ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 37/2006/QĐ-UBND	*Đà Lạt, ngày 21 tháng 6 năm 2006*

QUYẾT ĐỊNH

"V/v ban hành quy chế hoạt động của tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Uy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-BTP-BNV ngày 24/01/2005 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và Thông tư số 07/2005/TT-BTP ngày 18/05/2005 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ;

Xét tờ trình số: 158/TTr-TP ngày 12/5/2006 của Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy chế hoạt động của tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp Nhà nước thuộc UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể và các doanh nghiệp Nhà nước thuộc UBND tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức làm công tác pháp chế của tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Sĩ Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

QUY CHẾ
Hoạt động của tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

Quy chế này quy định về hoạt động của tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng.

Tổ chức pháp chế, cán bộ làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh Lâm Đồng do cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước quyết định thành lập theo ủy quyền của Uy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động:

Tổ chức pháp chế, cán bộ làm công tác pháp chế hoạt động theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Chịu sự quản lý trực tiếp của Thủ trưởng đơn vị chủ quản và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Giám đốc Sở Tư pháp.

Tổ chức pháp chế, cán bộ làm công tác pháp chế có trách nhiệm giúp thủ trưởng cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Uy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan; được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật ký hợp đồng làm cộng tác viên kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo hình thức khoán việc và được hưởng thù lao theo quy định chung.

CHƯƠNG II
HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ

Điều 3. Trách nhiệm của cán bộ, Tổ trưởng hoặc Trưởng ban Pháp chế:

1. Trách nhiệm của cán bộ pháp chế:

a. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh theo quy định tại Điều 5; Điều 6 Nghị định số 122/2004/NĐ-CP và hướng dẫn nghiệp vụ tại Thông tư số 07/2005/TT-BTP ngày 31/8/2005 của Bộ Tư pháp.

b. Lập các chương trình, kế hoạch công tác của cán bộ pháp chế cơ quan trình lãnh đạo phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được lãnh đạo phê duyệt.

c. Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban của cơ quan chủ quản và các đơn vị khác trong việc xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

d. Dự thảo các kiến nghị thực hiện chủ trương, chính sách theo sự phân công của lãnh đạo cơ quan thuộc lĩnh vực chuyên môn ngành quản lý.

e. Xây dựng báo cáo định kỳ sáu tháng, một năm và đột xuất về công tác pháp chế theo quy định.

g. Tham gia các cuộc họp, tập huấn nghiệp vụ pháp chế.

2. Trách nhiệm của Tổ trưởng hoặc Trưởng ban pháp chế:

Đối với những cơ quan thành lập Tổ hoặc ban pháp chế. Tổ trưởng hoặc Trưởng ban ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều này còn có trách nhiệm sau:

a. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động chung của Tổ hoặc ban pháp chế theo sự phân công của Thủ trưởng đơn vị.

b. Trực tiếp ký hợp đồng kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật khi được mời tham gia; Phân công công việc cho từng thành viên thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất về công tác của tổ chức pháp chế trong cơ quan mình.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước:

1. Quyết định thành lập, kiện toàn tổ chức của cán bộ pháp chế thuộc quyền quản lý;

2. Phê duyệt các chương trình, Kế hoạch công tác của cán bộ làm công tác pháp chế của cơ quan đơn vị và chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp với cán bộ pháp chế thực hiện các Chương trình, kế hoạch đó;

3. Tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để cán bộ pháp chế hoàn thành nhiệm vụ được giao;

4. Tham mưu, đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh các biện pháp, giải pháp thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước trong việc xây dựng, thực hiện nhiệm vụ pháp chế;

5. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất về công tác pháp chế theo yêu cầu của UBND tỉnh và cơ quan có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

1. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế.

2. Cung cấp hồ sơ, tài liệu cho cán bộ pháp chế tham gia làm cộng tác viên kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

3. Ký kết hợp đồng vụ việc với cán bộ pháp chế hoặc tổ trưởng, trưởng ban pháp chế thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và trả thù lao cho cộng tác viên theo quy định.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo định kỳ sáu tháng, một năm hoặc đột xuất về công tác pháp chế và tổ chức sơ kết, tổng kết công tác pháp chế tại địa phương.

CHƯƠNG III
CÁN BỘ PHÁP CHẾ THAM GIA LÀM CỘNG TÁC VIÊN KIỂM TRA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 6. Tiêu chuẩn cộng tác viên:

Cộng tác viên là nhữngngười làm công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Uy ban nhân dân, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh, đã tốt nghiệp đại học chuyên nghành, có đủ kiến thức, trình độ, khả năng chuyên môn, có kiến thức chuyên sâu về pháp lý hoặc một số lĩnh vực quản lý nhà nước, có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện công việc.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của cộng tác viên

1. Quyền hạn:

a. Được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản cần thiết phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

b. Được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ, các buổi hội thảo, sinh hoạt chuyên đề có nội dung về nghiệp vụ kiểm tra văn bản do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản tổ chức.

c. Được khai thác những thông tin cần thiết từ hệ cơ sở dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra để phục vụ cho công tác kiểm tra;

d. Được hưởng chế độ thù lao theo quy định hiện hành.

2. Nghĩa vụ:

a. Cộng tác viên chịu sự quản lý của cơ quan chủ quản và sự hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản;

b. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

c. Hoàn thành đúng thời gian quy định trong hợp đồng về kiểm tra văn bản;

d. Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả kiểm tra;

đ. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo quản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến văn bản kiểm tra theo hợp đồng;

e. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo kiểm tra văn bản theo đúng quy định.

Điều 8. Báo cáo kết quả kiểm tra:

Cộng tác viên kiểm tra văn bản thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra về tiến độ, kết quả thực hiện công việc được giao, nội dung báo cáo theo Chỉ thị số 32/2005/CT-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ gồm:

1. Đánh giá về chất lượng công tác ban hành văn bản trong lĩnh vực được phân công kiểm tra.

2. Số liệu tổng hợp và phân tích, đánh giá đối với từng loại văn bản được kiểm tra; số văn bản phát hiện có nội dung trái pháp luật và đề xuất hướng xử lý với cơ quan có thẩm quyền.

3. Tình hình rà soát văn bản làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra văn bản trong lĩnh vực được giao.

4. Hoạt động phối hợp trong thực hiện kiểm tra văn bản và trao đổi nghiệp vụ.

5. Đề xuất những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị những vấn đề khác có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản:

1. Cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào kế hoạch kiểm tra để ký hợp đồng khoán việc với cán bộ pháp chế, tổ trưởng hoặc trưởng ban pháp chế các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh làm cộng tác viên kiểm tra văn bản.

2. Đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện công việc đối với cộng tác viên kiểm tra văn bản nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm và xây dựng phương hướng triển khai tốt hơn trong thời gian tới.

3. Báo cáo về tổ chức và hoạt động của đội ngũ cộng tác viên kiểm tra và tình hình kiểm tra văn bản, khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật cộng tác viên kiểm tra văn bản.

CHƯƠNG IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và cán bộ làm công tác pháp chế có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

Quy chế này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định hiện hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Sĩ Sơn